

Số: ...../2023/KH-TP

Buôn Ma Thuột, ngày 20 tháng 9 năm 2023

**KẾ HOẠCH**  
**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**  
**GIAI ĐOẠN 2020 - 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**  
**(Sửa đổi bổ sung cho năm học 2023-2024)**

Để thực hiện đường lối đổi mới giáo dục, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến sự nghiệp đổi mới Giáo dục Việt Nam:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2009 (Luật số 44/2009/QH12, ban hành ngày 25/11/2009);

Chỉ thị số 40/2004/CT-TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020;

Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 19/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025;

- Căn cứ Nghị quyết 29/NQ-TU ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục về ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Căn cứ công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Căn cứ công văn 1387/SGDĐT-GDTrH-GDTrH của Sở GD-ĐT Đắk Lắk ngày 25/8/2023 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTrH năm học 2023-2024.

- Căn cứ Tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường.

Trường THPT Trần Phú xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đây là sự tiếp nối của Chiến lược phát triển trường THPT Trần Phú giai đoạn từ 2015 - 2020 trước đây và có điều chỉnh sửa đổi cho năm học 2023-2024 như sau:.



Trường THPT Trần Phú Trường được thành lập theo QĐ số 700/QĐ-UB ngày 17/8/1993 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Nhà trường hiện nay có quy mô 28 lớp, khoảng 1000 học sinh, các năm vừa qua chất lượng đào tạo của nhà trường ngày càng được ổn định nên đã tạo được niềm tin ở phụ huynh và học sinh ở các xã Hòa Phú, Hòa Khánh, Hòa Xuân thuộc vùng ven của thành phố Buôn Thuột.

Đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với chất lượng giáo dục, đội ngũ sư phạm trường THPT Trần Phú luôn nhiệt tình và tâm huyết với nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin, cải tiến phương pháp dạy học để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Đào tạo các thế hệ học sinh thành đạt, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, sửa đổi bổ sung cho năm học 2023-2024 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của nhà trường và hoạt động của Ban Giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển của trường THPT Trần Phú là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và phát triển nhà trường. Tập thể sư phạm nhà trường quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển vững mạnh về mọi mặt, góp phần xây dựng ngành giáo dục thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng và tỉnh Đắk Lắk nói chung phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

## **A--ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

### **1.MÔI TRƯỜNG BÊN TRONG – HỌC SINH**

#### **1.1. Điểm mạnh**

- Học sinh của trường thuộc vùng nông thôn đa số các em chăm và ngoan. Điểm tuyển sinh đầu vào của lớp 10 tuy không cao nhưng ổn định qua các năm.
- Hầu hết cha mẹ học sinh quan tâm, chăm lo đến việc học tập và rèn luyện của con em mình.
- Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện tốt nhất để hỗ trợ học sinh, nhất là những học sinh nghèo vượt khó học giỏi hàng năm.

#### **1.2. Hạn chế**

- Sự phân hóa tương đối lớn giữa học sinh giỏi và học sinh yếu, học sinh còn nhiều em chưa tự tin, nhút nhát trước đám đông, nhiều học sinh còn thụ động và chưa tự giác trong học tập.
- Một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em, chưa phối hợp với nhà trường để giáo dục các em thành con ngoan, trò giỏi.

#### **1.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường**

- Chất lượng dạy và học của nhà trường chưa cao, nhiều học sinh còn hạn chế về một số môn.
- Một số học sinh chưa được gia đình quan tâm đúng mức, có những hành vi, ứng xử chưa đúng, cố ý làm trái với nội quy của nhà trường và đã làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá xếp loại hạnh kiểm.

## **2. Đội ngũ**

#### **2.1. Điểm mạnh**

- Giáo viên nhiều kinh nghiệm trong việc giảng dạy và giáo dục học sinh. Đội ngũ giáo viên trẻ nhiệt tình, ham học hỏi, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.
- 100% giáo viên đạt chuẩn, 23,3% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, chất lượng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm của giáo viên đã đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy.
- Giáo viên của trường tận tâm với công việc, tận tụy vì học trò, nhiệt tình, gắn bó và mong muốn nhà trường ngày càng phát triển.

## 2.2. Hạn chế

- Đội ngũ giáo viên cốt cán của nhà trường còn ít.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin của một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.
- Một vài giáo viên trẻ còn chậm đổi mới trong công tác giảng dạy cũng như giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

## 2.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường

- Hạn chế trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.
- Việc nâng cao chất lượng giáo dục cũng như quá trình áp dụng các hình thức đổi mới sinh hoạt chuyên môn lẫn công tác phong trào còn gặp nhiều khó khăn.

## 3. Cơ sở vật chất, thiết bị

### 3.1. Điểm mạnh

- Phòng học và các phòng chức năng đang được sửa chữa và nâng cấp kiên cố, phòng học đạt chuẩn, thông thoáng.
- Thiết bị dạy học được đầu tư đầy đủ, phòng thí nghiệm, thực hành từng bước được trang bị các thiết bị để phục vụ cho công tác dạy và học.
- Các phòng làm việc được trang bị máy móc đầy đủ.
- 01 Thư viện tương đối đầy đủ tài liệu cơ bản phục vụ giảng dạy và học tập; có trang Website phục vụ công tác của nhà trường.
- Có nhà xe giáo viên, nhà xe học sinh. Có sân bóng đá mini mới xây dựng năm 2021.
- Có kế hoạch xây dựng nhà đa năng và phòng học bộ môn theo chuẩn GDPT 2018.

- Có công trình vệ sinh công cộng riêng cho giáo viên, học sinh ; có công trình nước sạch cấp đủ nước uống và sử dụng hàng ngày cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhìn chung CSVN đáp ứng được nhu cầu dạy học tối thiểu.

### 3.2. Hạn chế

- Công tác quản lý, sử dụng thiết bị dạy học còn hạn chế, phong trào tự làm đồ dùng dạy học chưa được phát huy.
- Một số thiết bị dùng chung và thiết bị phục vụ hoạt động thí nghiệm thực hành xuống cấp ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy.
- Công trình vệ sinh công cộng dành riêng cho giáo viên, học sinh đã xuống cấp, đang được đầu tư sửa chữa nâng cấp.

### 3.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường

- Hoạt động dạy học chưa được phát huy tối đa, việc bồi dưỡng phát hiện học sinh giỏi còn nhiều hạn chế; việc khai thác tiềm năng của học sinh chưa đạt hiệu quả cao nhất.

## 4. Thông tin

### 4.1. Điểm mạnh

- Khả năng tiếp nhận thông tin, truy cập, xử lý thông tin đã đáp ứng được các yêu cầu trong công tác quản lý và dạy học.
- Thông tin phản hồi giữa nhà trường và gia đình kịp thời, chính xác.

### 4.2. Hạn chế

- Việc lưu trữ thông tin của một vài bộ phận chưa tốt, việc sắp xếp hồ sơ lưu trữ của nhân viên Văn thư đã có cải tiến nhưng chưa có hệ thống.

### 4.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường

- Tìm kiếm, lưu trữ, truy cập thông tin về giáo viên, học sinh cũng như các số liệu hàng năm của nhà trường còn chưa đồng bộ, chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc.
- Một số giáo viên còn nhiều sức ỳ, hoạt động chưa đều tay, ngại hoạt động, hạn chế về năng lực sáng tạo ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của nhà trường.

## **5. Tài chính**

### **5.1. Điểm mạnh**

- Tài chính của nhà trường được công khai minh bạch, rõ ràng, đầy đủ. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với quy định của pháp luật và được thông qua tại Hội nghị viên chức đầu mỗi năm học.
- Không có tình trạng lạm thu trong nhà trường.

### **5.2. Hạn chế**

- Kinh phí cho các hoạt động phong trào trong nhà trường còn hạn hẹp.

### **5.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường**

- Hạn chế trong công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm và các hoạt động phong trào trong nhà trường.

## **6. Tổ chức dạy học**

### **6.1. Điểm mạnh**

- Thực hiện chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế và đúng tiến độ.
- Kết quả học tập của học sinh ngày càng tốt hơn, trên 40% học sinh đạt khá, giỏi.
- Chất lượng đại trà ngày càng ổn định: trên 80% học sinh đạt học lực trung bình trở lên.
- Đã có sự phối hợp tốt giữa phụ huynh giáo viên chủ nhiệm và BCH Đoàn trường và nhà trường để quản lý giáo dục học sinh, không có tình trạng bạo lực học đường.
- Quản lý tốt các đối tượng học sinh vi phạm nội quy nhà trường.

### **6.2. Hạn chế**

- Thực hiện đổi mới phương pháp chưa đồng bộ, một số giáo viên còn lúng túng trong việc áp dụng phương pháp mới.
- Vẫn còn bộ môn chưa thật sự đầu tư vào công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.
- Một số ít giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, quản lý học sinh chưa tốt.

### **6.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường**

- Chưa có điều kiện đáp ứng nhu cầu của học sinh giỏi và chưa quan tâm đúng mức đến đối tượng học sinh chưa ngoan, lười học.
- Tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn.

## 7. Lãnh đạo và quản lý

### 7.1. Điểm mạnh

- Có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với trường, hết lòng vì tập thể và học sinh.
- Được sự tín nhiệm và tin tưởng của cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường.
- Nhiệt tình, năng động, làm việc đúng quy chế và có kế hoạch, phương pháp làm việc khoa học.
- Dự báo được tình hình, kiên quyết và nghiêm túc trong công tác.
- Quan tâm chăm sóc đến đời sống cán bộ, giáo viên và nhân viên.

### 7.2. Hạn chế

- Một số tổ trưởng tổ chuyên môn chưa tận tâm với nghề và chưa tận lực với công việc. Chưa có giải pháp phù hợp để khai thác và phát huy năng lực của giáo viên.
- Lãnh đạo nhà trường còn thiếu, một người còn phụ trách quá nhiều công việc.

### 7.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường

- Chưa khai thác và phát huy hết năng lực của từng giáo viên.
- Quá trình theo dõi, đánh giá viên chức và công tác thi đua khen thưởng đôi khi chưa sát, chưa đầy đủ.

## 8. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

### 8.1. Đội ngũ giáo viên

Stt	Tổ chuyên môn	Chuyên môn	Giáo viên		Đảng viên	Biên chế		Trình độ	
			Tổng số	Nữ		Biên chế	Hợp đồng	Thạc sĩ	Đại học
1	Tổ Toán - Tin	Toán học	8	3	5	8	0	1	7
		Tin học	4	1	1	4	0	0	4
2	Tổ Lý - CN	Vật lý	7	4	6	6	1	2	5
		CN lý	2	1	2	2	0	0	2



Stt	Tổ chuyên môn	Chuyên môn	Giáo viên		Đăng viên	Biên chế		Trình độ	
			Tổng số	Nữ		Biên chế	Hợp đồng	Thạc sĩ	Đại học
3	Tổ TD-QP	TD	4	2	3	3	1	0	4
		QP	2	2	1	2	0	0	3
4	Tổ Sử - Địa - GDCD	Lịch sử	2	2	2	2	0	1	1
		Địa lý	2	2	2	2	0	0	2
		GDCD	2	2	1	2	0	0	2
5	Tổ Ngữ văn	Ngữ văn	8	8	5	8	0	3	5
6	Tổ Tiếng Anh	Tiếng Anh	9	8	6	9	0	3	6
7	Tổ Sinh-Hóa-CN	Sinh	5	5	4	4	0	1	4
		Hóa	5	3	4	5	0	1	4
		CN sinh							
	Tổng cộng		60	43	42	58	3	12	49

## 8.2. Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Bộ phận	Số lượng		Đăng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ đào tạo			
		T. số	Nữ				ĐH	CD	TC	Khác
1	Cán bộ quản lý	2	2	2	2					2
2	Thiết bị	1			1		1			
3	Kế toán	1	1		1		1			
4	Văn thư	1	1	1	1				1	
5	Thư viện - Thủ quỹ	1	1	1	1			1		
6	Y tế	1	1	1	1				1	
7	Phục vụ	1	1			1				
8	Bảo vệ	2				2				
<b>Tổng</b>		10	7	5	7	3	3	1	2	

## 9. Chất lượng học sinh

### Kết quả Đào tạo

Học lực



Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tỷ lệ HS G, Khá (%)	32,63	39,41	48,46	31,15	42,27
Tỷ lệ HS đạt TB trở lên (%)	90,65	93,08	89,67	77,16	82,4
Năm học	2020-2021	2021-2022	2022-2023		
Tỷ lệ HS G, Khá (%)	38,6	52,09	44,5		
Tỷ lệ HS đạt TB trở lên (%)	84,4	89,75	85,6		

#### Hạng kiểm

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tỷ lệ HS Tốt-Khá trở lên	95,71	96,54	99,11	95,35	96,67
Năm học	2020-2021	2021-2022	2022-2023		
Tỷ lệ HS Tốt-Khá trở lên	96,2	95,5	97,29		

#### Kết quả Tốt nghiệp THPT 8 năm học

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Tỷ lệ TN 12 (%)	70,6	99,62	99,8	78,7	98,3	96,4	97,91	96,22

Cụ thể như sau:

### Năm học 2015 - 2016

Lớp	Tổng số HS	Hạng kiểm								Học lực									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	402	221	54,98	156	38,81	22	5,47	3	0,75	8	1,99	121	30,1	143	35,57	122	30,35	8	1,99
11	309	167	54,05	126	40,78	16	5,18	0	0	8	2,59	92	29,77	194	62,78	14	4,53	1	0,32
12	337	263	78,04	70	20,77	4	1,19	0	0	10	2,97	103	30,56	182	54,01	42	12,46		
TS	1048	651	62,1	352	33,59	42	4,01	3	0,29	26	2,48	316	30,15	519	49,52	178	16,98	9	0,86

Học sinh giỏi cấp tỉnh: 14; tỷ lệ tốt nghiệp THPT: 70,6%

### Năm học 2016 - 2017

Lớp	Tổng số	Hạng kiểm								Học lực							
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	360	234	65	104	28,89	20	5,56	2	0,56	4	1,11	121	33,61	187	51,94	47	13,06
11	339	250	73,75	78	23	10	2,95	1	0,29	9	2,65	118	34,81	192	55,64	20	5,9
12	283	248	87,63	34	12,01	1	0,35	0	0	7	2,47	128	45,23	148	52,3	0	0
TS	982	732	74,5	216	22	31	3,16	3	0,31	20	0,04	367	37,37	527	53,67	67	6,82

Học sinh giỏi cấp tỉnh: 3; tỷ lệ tốt nghiệp THPT: 99,62%

**Năm học 2017 - 2018**

Lớp	Tổng số	Hạng kiểm								Học lực							
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
10	364	230	63,19	126	34,62	6	1,65	1	0,27	20	5,49	112	30,77	144	39,56	82	22,53
11	320	273	85,31	46	14,38	1	0,31	0	0	11	3,44	135	42,19	159	49,69	15	4,69
12	323	94,12	19	5,88	0	0	0	0	0	18	5,57	192	59,44	112	34,67	1	0,31
TS	1007	807	80,14	191	18,97	7	0,7	1	0,1	49	4,87	439	43,59	415	41,21	98	9,73

Học sinh giỏi cấp tỉnh: 3; tỷ lệ tốt nghiệp THPT: 99,8%

**Năm học 2018 - 2019**

Lớp	Tổng số	Hạng kiểm								Học lực									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	359	177	49,3	155	43,2	23	6,4	4	1,1	2	0,6	71	19,8	141	39,3	141	39,3	4	1,1
11	320	232	72,5	74	23,1	8	2,5	6	1,9	10	3,1	80	25	163	50,9	65	20,3	2	0,6
12	310	266	85,8	39	12,6	5	1,6	0	0	11	3,5	134	43,2	151	48,7	14	4,5	0	0
TS	989	675	68,3	268	27,1	36	3,6	10	1,0	23	2,3	285	28,8	455	46	220	22,	6	0,6

Học sinh giỏi cấp tỉnh: 1; tỷ lệ tốt nghiệp THPT: 78,7%

**Năm học 2019 - 2020**

Lớp	Tổng số	Hạng kiểm								Học lực									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	318	193	60,69	110	34,59	15	4,72	0	0	18	5,66	81	25,47	120	37,74	94	29,56	5	1,57
11	316	227	71,84	73	23,1	14	4,43	0	0	13	4,11	114	36,08	131	41,46	52	16,46	4	1,27



<b>Khối 10</b>	369	246	66,67	106	28,73	14	3,79	3	0,81
<b>Khối 11</b>	303	254	83,83	45	14,85	4	1,32		
<b>Khối 12</b>	293	263	69,76	25	8,53	5	1,21		
<b>Toàn trường</b>	965	763	79,06	176	18,23	23	2,38	3	0,31

### Về đánh giá, xếp loại học lực

	Số HS	Giỏi/Tốt		Khá		TB/Đạt		Yếu/CĐ		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
<b>Khối 10</b>	369	10	2,71	87	23,58	169	45,8	103	27,91		
<b>Khối 11</b>	303	25	8,25	104	34,32	140	46,2	33	10,89	1	0,33
<b>Khối 12</b>	293	32	10,92	171	58,36	18	30,03	2	0,68		
<b>Toàn trường</b>	965	67	6,94	362	37,51	327	33,88	138	14,3	1	0,1

### 10.Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích mặt bằng 16.420 m<sup>2</sup>;
- Phòng học: 37 phòng, có đủ bàn ghế phù hợp với độ tuổi học sinh THPT theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế;
- Phòng bộ môn: 03 phòng (56 m<sup>2</sup>/phòng), có đầy đủ các bộ thực hành, thí nghiệm cho cả 3 khối 10, 11 và 12;
- Phòng học môn Tin học: 03 phòng (50 m<sup>2</sup>/phòng), tất cả 62 máy vi tính của 03 phòng tin học đều kết nối Internet;
- Phòng băng tương tác: 01 phòng (50 m<sup>2</sup>/phòng);
- Phòng thiết bị dùng chung: 02 phòng (50 m<sup>2</sup>/phòng);
- Phòng thư viện: 01 phòng ghép (75 m<sup>2</sup>) thư viện đạt chuẩn theo Quyết định 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông;
- Phòng y tế: 01 phòng (25 m<sup>2</sup>);

- Phòng Đoàn: 01 phòng (25 m<sup>2</sup>);
- Khu nhà Hiệu bộ, trong đó:
  - + Phòng Hội đồng: 01
  - + Phòng Hiệu trưởng: 01
  - + Phòng Phó Hiệu trưởng: 02
  - + Phòng Công đoàn: 01
  - + Phòng Kế toán: 01
  - + Phòng Văn thư: 01
  - + Phòng Tư vấn giáo dục học sinh: 01
  - + Phòng tiếp công dân, giao ban: 01

Cơ sở vật chất bước đầu đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho hoạt động dạy và học.

## **2. MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI**

### **2.1.Cơ chế, chính sách, pháp luật**

- Văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2009 (Luật số 44/2009/QH12, ban hành ngày 25/11/2009).
- Chỉ thị số 40/2004/CT-TW ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020.
- Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 19/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025
- Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020.

- Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/6/2006 của Chính phủ quyết định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

#### 2.1.1. Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước nhận thức rõ sự tất yếu, cần thiết và quyết tâm cao trong việc đổi mới giáo dục, không những thể hiện trên quan điểm mà còn đề ra mục tiêu và một số giải pháp phát triển giáo dục.

- Phương thức quản lý giáo dục lấy cơ sở làm trung tâm, cùng với cơ chế tự quản, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân sự và tài chính. Mở ra cho nhà trường hướng đi thông thoáng, năng động, có trách nhiệm trong việc xây dựng định hướng phát triển nhà trường.

- Tận dụng tính đổi mới và sáng tạo của cơ sở giáo dục cộng với thực hiện quyền tập trung dân chủ cao độ là động lực quan trọng giúp cho cơ sở giáo dục có một sức mạnh để phát triển nhà trường.

#### 2.1.2. Khó khăn

Phương thức quản lý lấy cơ sở làm trung tâm tạo ra những thách thức cho cán bộ quản lý nhà trường.

### **2.2.Kinh tế**

#### 2.2.1. Thuận lợi

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế toàn cầu hóa tạo ra những cơ hội:

- Thúc đẩy nhanh phát triển giáo dục; trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện và hiện đại, đáp ứng các yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

- Mọi người có cơ hội phát triển và đóng góp như nhau, phát huy được tính sáng tạo của mỗi thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường.

- Khả năng đóng góp của xã hội cho sự nghiệp giáo dục cao hơn.

#### 2.2.2. Khó khăn

- Yêu cầu về trang thiết bị, cơ sở vật chất, nhân lực phục vụ cho giáo dục thì nhiều nhưng kinh phí thì có hạn.

- Năng lực và khả năng hợp tác của mỗi người khác nhau tùy thuộc nhiều yếu tố.

- Chế độ chính sách theo quy định chung còn cứng nhắc, chưa linh động, thông thoáng, nên rất khó áp dụng vào hoạt động của đơn vị.



### 2.2.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Lãnh đạo nhà trường gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện chế độ bồi dưỡng, chi hỗ trợ cho giáo viên, nhân viên khi thực hiện các công việc phục vụ cho công tác dạy và học. Hiện nội dung những công việc đó không có quy định trong văn bản hiện hành.

## 2.3.Văn hóa

### 2.3.1. Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên đại đa số thân thiện, đoàn kết, có ý thức xây dựng nhà trường, luôn có tinh thần hợp tác và tin cậy lẫn nhau.
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên có ý thức cầu tiến, vươn lên và mong muốn được đổi mới để phát triển nhà trường.
- Đội ngũ biết tôn trọng lẫn nhau và luôn hướng về giá trị đích thực; giản dị trong sinh hoạt, trung thực, thẳng thắn trong công việc, nói và làm gắn liền với thực tiễn.
- Ý thức tốt việc xây dựng nề nếp, tác phong, kỷ luật. Lãnh đạo nhà trường đã quan tâm đến các mối quan hệ thân thiện giữa người với người và con người với môi trường.

### 2.3.2. Khó khăn

Ảnh hưởng tiêu cực bên ngoài xã hội đã tác động vào nhà trường, tạo nên sức ỳ trong quá trình hình thành nếp sống văn hóa nhà trường.

### 2.3.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Nhận thức và hành động của các thành viên trong nhà trường còn nhiều khoảng cách nên đã tạo ra những khó khăn cho việc xây dựng nếp sống văn hóa nhà trường.
- Thái độ bàng quan của một số người ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì hình ảnh tốt về văn hóa nhà trường

## 2.4.Xã hội

### 2.4.1. Thuận lợi

- Dư luận xã hội đồng tình với quan điểm của nhà trường trong việc xây dựng phong trào “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”;

- Sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội đã nâng cao hiệu quả giáo dục và thúc đẩy khả năng hợp tác, cải thiện mạnh mẽ văn hóa ứng xử, giao tiếp trong nhà trường.

#### 2.4.2. Khó khăn

- Sự phát triển của công nghệ thông tin và mặt trái của nó ảnh hưởng không nhỏ đến một bộ phận học sinh làm ảnh hưởng nặng nề đến chất lượng học tập, rèn luyện và sức khỏe của học sinh.

#### 4.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Quản lý học sinh rất cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Mọi quan hệ này phải thực sự gắn bó nếu không rất khó quản lý giờ giấc học tập của các em.

### 3. KẾT LUẬN CHUNG

Qua phân tích môi trường bên trong và môi trường bên ngoài, trường THPT Trần Phú nhận thấy:

#### 3.1. Về thời cơ

- Có sự tín nhiệm cao của học sinh và sự tin tưởng của cha mẹ học sinh.
- Đội ngũ giáo viên phần lớn có thâm niên, tay nghề vững vàng bên cạnh đội ngũ giáo viên trẻ được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm tốt và có tinh thần ham học hỏi.
- Học sinh nhìn chung chăm ngoan, nguồn tuyển sinh vào lớp 10 ổn định, chất lượng giáo dục của nhà trường tăng theo từng năm.
- Nhà trường dần giữ vững sự ổn định về chất lượng dạy và học được chính quyền các cấp, cha mẹ học sinh và nhân dân tin tưởng, trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk, các cấp ủy Đảng và Chính quyền địa phương.
- Đảng, Nhà nước và Ngành từng bước đổi mới Giáo dục và Đào tạo đáp ứng được xu thế phát triển của thời đại.
- Khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, đặc biệt là công nghệ thông tin.

#### 3.2. Thách thức

- Chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới bắt đầu áp dụng vào năm học 2022 - 2023 cho lớp 10 và năm học 2023-2024 cho lớp 11.
- Yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.
- Cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện của nền giáo dục.
- Duy trì việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy một cách thường xuyên, vận dụng trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo và lòng khát khao cống hiến của giáo viên, nhân viên.
- Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, phải đáp ứng kỳ vọng của nhân dân và của xã hội.
- Môi trường giáo dục, văn hóa, đời sống, lối sống của một bộ phận không nhỏ của thanh thiếu niên và người lớn ngoài xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố tiêu cực, trình độ dân trí của một bộ phận cha mẹ học sinh còn thấp chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập và rèn luyện của con em.

### **3.3. Đánh giá những mặt đạt được và những mặt chưa đạt được trong thực hiện chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2015 - 2020**

#### **3.3.1. Những mặt đạt được**

- Hiệu quả giáo dục ổn định so với các trường trong khu vực (hàng năm trên 90% học sinh tốt nghiệp THPT và trên 60% học sinh đậu đại học, cao đẳng).
- Quy mô trường, lớp đáp ứng được nhu cầu dạy và học.
- Cơ sở vật chất được đầu tư khang trang, môi trường dạy học được cải thiện, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu cho việc đổi mới phương pháp dạy học.
- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, quan tâm chăm lo cho học sinh; cố gắng để đổi mới phương pháp dạy học, đã chú trọng nhiều đến thực hành (Lý, Hóa, Sinh), hưởng ứng tích cực phong trào xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”.
- Phối hợp khá hiệu quả ba môi trường giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội.
- Công khai, minh bạch và sử dụng nguồn lực có hiệu quả, đặc biệt là nguồn tài lực, thu, chi cụ thể, rõ ràng, đúng quy định của pháp luật, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên cốt cán của nhà trường có trách nhiệm, tâm huyết, có ý thức cầu tiến, mong muốn được đổi mới để phát triển nhà trường.
- Các đoàn thể phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ tích cực cho nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

### 3.3.2. Những nội dung chưa đạt được và nguyên nhân

#### 3.3.2.1. Một số nội dung chưa đạt được

##### 3.3.2.1.1. Về học sinh

- Một số học sinh chưa chủ động, chưa thực sự cố gắng trong học tập, chưa có phương pháp học tập thích hợp, còn học lệch, nên kết quả học tập chưa cao, hàng năm còn có học sinh thi lại và lưu ban.
- Số lượng học sinh bỏ học qua các năm tuy có giảm nhưng vẫn còn cao so với một số trường trong tỉnh.

##### 3.3.2.1.2. Về đội ngũ giáo viên

- Một số giáo viên chưa quan tâm, chưa chủ động trong việc tiếp cận và sử dụng hay bổ sung hợp lý các phương tiện, trang thiết bị và công nghệ thông tin trong dạy học.
- Một số giáo viên chỉ chú trọng, tập trung vào việc hoàn thành chương trình chưa sáng tạo, nhay bén và chưa chú tâm vào đổi mới phương pháp giảng dạy.
- Tỷ lệ giáo viên thừa thiếu cục bộ: do học sinh thích lựa chọn các tổ hợp bộ môn xã hội nên môn tự nhiên thừa giáo viên (Vật lý dư 03, Hóa dư 02, Sinh dư 02, tiếng anh dư 02); thiếu giáo viên môn xã hội: lịch sử, âm nhạc, mỹ thuật,...

##### 3.3.2.1.3. Nhân viên

- Khả năng hợp tác, phối hợp trong công việc còn hạn chế vì mỗi người một chuyên môn riêng, nên chỉ phối hợp, giúp đỡ nhau trong một số công việc cụ thể đơn giản.

##### 3.3.2.1.4. Cán bộ quản lý và cán bộ chủ chốt

- Lực lượng tổ trưởng chuyên môn đa số vững tay nghề, có chuyên môn tốt nhưng đôi lúc còn nể nang, cả nể khi đồng nghiệp không nhận nhiệm vụ. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nhóm chưa thường xuyên.

##### 3.3.2.1.5. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Các thiết bị dạy học hư hỏng nhiều lúc chưa sửa chữa, bổ sung kịp thời như: máy tính, các thiết bị dạy học khác, ...
- Phong trào tự làm đồ dùng dạy học trong giáo viên triển khai chưa hiệu quả.
- Giáo viên chưa khai thác hết công năng của các thiết bị hiện có để phục vụ công tác dạy và học.

### 3.3.2.2. Một số nguyên nhân

- Một số giáo viên chỉ tập trung vào truyền thụ kiến thức mà chưa chú trọng đến việc thông qua dạy chữ để dạy người. Vì vậy, hiệu quả rèn luyện hạnh kiểm và kỹ năng sống cho học sinh còn hạn chế.
- Cán bộ quản lý thường chú tâm vào những công việc cụ thể để hoàn thành kế hoạch đề ra; chưa chú trọng đến việc đăng ký tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý.
- Một bộ phận phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em, hầu như giao hẳn cho nhà trường; một số phụ huynh buộc con em chọn ngành nghề theo ý của bố mẹ, chưa thực sự quan tâm đến năng lực, sở trường nên việc học tập cũng như chọn ngành nghề của học sinh đạt hiệu quả chưa cao; một số phụ huynh thì lại nuông chiều con cái quá mức làm hạn chế việc tự chủ của các em trong học tập, trong rèn luyện kỹ năng sống, ...

## **4. Các nội dung chủ yếu và nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030**

- Nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức của đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên; giáo dục thái độ, động cơ học tập cho học sinh.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của nhà trường như:
  - + Giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.
  - + Quản lý học sinh, đánh giá học lực và hạnh kiểm.
  - + Quản lý nhân sự.
  - + Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, ...
- Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên và phương pháp học tập của học sinh. Tăng cường công tác hỗ trợ, tư vấn của giáo viên cho học sinh.
- Tăng cường quản lý chuyên môn, nghiệp vụ đầu tư và phát triển công tác chuyên môn cho toàn trường.

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội.
- Đổi mới, nâng cao hiệu quả đào tạo học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho các học sinh trong nhà trường.
- Tăng cường đầu tư cho cơ sở vật chất, xây dựng nhà đa năng, cải tạo sân chơi bãi tập, nâng cấp ứng dụng phòng học, xây dựng môi trường sư phạm văn minh, lịch sự.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Chi đoàn giáo viên.
- Xây dựng nét đặc trưng truyền thống của nhà trường.
- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy năng lực tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.
- Tăng cường nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và nhân viên theo đúng định mức tiêu chuẩn và phấn đấu tăng tỷ lệ giáo viên trên chuẩn. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Quan tâm việc cử giáo viên tham gia ôn tập và thi các lớp cao học chuyên ngành, cử cán bộ quản lý tham gia các lớp nghiệp vụ Quản lý giáo dục và các lớp Lý luận chính trị.
- Chú trọng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý.
- Quan tâm công tác xã hội hóa giáo dục, chú trọng huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển nhà trường và hỗ trợ học sinh học tập tốt.
- **Phấn đấu mọi điều kiện đạt trường chuẩn quốc gia cấp độ 1 năm 2023 và chuẩn cấp độ 2 năm 2025-2030.**

#### **4.1 NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

##### **4.1.1 Chương trình môn học**

- **Từ năm học 2020-2022 thực hiện 1 chương trình giáo dục theo chương trình chuẩn của cả 3 khối lớp gồm 10 lớp 10, 10 lớp 11 và 9 lớp 12.**
- Từ năm học 2022 – 2023 thực hiện cùng lúc 2 chương trình giáo dục phổ thông khác nhau:

***Năm học 2023-2024:***

*Khối 12 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện nay cụ thể như sau: ( 9 lớp 12) theo chương trình chuẩn GCPT 2006:*

**1. Môn Toán:**

- Khối 11: (4 tiết/1tuần) Tổng số tiết 117 tiết/ năm học và 30 tiết tự chọn bám sát
- Khối 12: (4 tiết/1tuần) Tổng số tiết 117 tiết/ năm học và 30 tiết tự chọn bám sát

**2. Môn Vật Lý:**

- Khối 11: (2 tiết/1tuần) Tổng số tiết 70 tiết/ năm học và 16 tiết tự chọn bám sát
- Khối 12: (2 tiết/1tuần) Tổng số tiết 70 tiết/ năm học và 16 tiết tự chọn bám sát

**3. Môn Hóa học:**

- Khối 11: (2 tiết/1tuần) Tổng số tiết 70 tiết/ năm học và 16 tiết tự chọn bám sát
- Khối 12: (2 tiết/1tuần) Tổng số tiết 70 tiết/ năm học và 16 tiết tự chọn bám sát

**4. Môn Sinh học**

- Khối 11: (15 tuần x 2 tiết/1tuần + 20 x 1 tiết ) Tổng số tiết 50
- Khối 12: (15 tuần x 2 tiết/1tuần + 20 x 1 tiết) Tổng số tiết 50

**5. Môn Tin học**

- Khối 11: (1 tiết/1tuần) Tổng số tiết 35
- Khối 12: (1,5 tiết/1tuần) Tổng số tiết 53

**6. Môn Công nghệ**

- Công nghệ 11: (1 tiết/1tuần) Tổng số tiết 35
- Công nghệ 12: (1 tiết/1tuần) Tổng số tiết 35

**7. Môn Ngữ văn**

- Khối 11: (3,5 tiết/1tuần) Tổng số tiết 123
- Khối 12: (3 tiết/1tuần) Tổng số tiết 105 tiết/ năm học và 17 tiết tự chọn bám sát

**8. Môn Lịch sử**

- Khối 11: (1 tiết/1tuần) Tổng số tiết 35
- Khối 12: (1,5 tiết/1tuần) Tổng số tiết 53



## 9. Môn Địa Lý

- Khối 11: (1 tiết/1tuần) Tổng số tiết 35
- Khối 12: (1,5 tiết/1tuần) Tổng số tiết 53

## 10. Môn Tiếng Anh (Hệ 7 năm):

- Khối 11: (3 tiết/1tuần) Tổng số tiết 105 tiết/ năm học và 30 tiết tự chọn bám sát
- Khối 12: (3 tiết/1tuần) Tổng số tiết 105 tiết/ năm học và 30 tiết tự chọn bám sát

## 11. Môn Thể dục

- Khối 11: (2 tiết/1tuần) Tổng số tiết 70
- Khối 12: (2 tiết/1tuần) Tổng số tiết 70

## 12. Môn Giáo dục công dân.

- Khối 11: (1 tiết/1tuần) Tổng số tiết 35
- Khối 12: (1 tiết/1tuần) Tổng số tiết 35

## 13. GDQP-AN.

- Khối 11: (1 tiết/1tuần) Tổng số tiết 35
- Khối 12: (1 tiết/1tuần) Tổng số tiết 35
- Các môn học của khối 12 được bố trí số tiết theo tuần, mỗi tuần bố trí không quá 28/ tiết/tuần/lớp, học kỳ (I và II) kéo dài hết năm học.
- Số cột điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ , kiểm tra cuối kỳ thực hiện theo quy định của thông tư 32/2020.
- Việc đánh giá xếp loại học sinh cuối kỳ thực hiện theo thông tư 32 của bộ giáo dục.
- Việc tổ chức ôn tập bồi dưỡng và thi tốt nghiệp quốc gia thực hiện theo các văn bản đã hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk.

***Khối lớp 10 và lớp 11 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới CTGDPT2018: (lớp 10 gồm 10 lớp, lớp 11 gồm 9 lớp):***

TT	Môn học	Số tiết lớp 10		
		Tổng	HK I	HK II
<b>Môn học bắt buộc</b>				

1	Ngữ văn	105	LL: 54 CĐ: 18 TN:	LL: 51 CĐ:17 TN:
2	Toán	105	LL: 54 CĐ: 18 TN:	LL: 51 CĐ:17 TN:
3	Ngoại ngữ 1	105	LL: 54 CĐ: TN:	LL: 51 CĐ: TN:
4	Giáo dục thể chất	70	LL: 36 CĐ: TN:	LL: 34 CĐ: TN:
5	Giáo dục quốc phòng an ninh	35	LL: 18 CĐ: TN:	LL: 17 CĐ: TN:
6	Lịch sử	52	LL: 18 CĐ: TN:	LL: 34 CĐ: TN:
<b>Môn học lựa chọn: lựa chọn 4 môn học từ các môn học sau</b>				
	7. Địa lý	70	LL: 28 CĐ: 4 TN: 4	LL: 26 CĐ: 4 TN: 4
	8. Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	LL: 28 CĐ: 4 TN: 4	LL: 26 CĐ: 4 TN: 4

	9. Vật lý	70	LL: 28 CĐ: 4 TN: 4	LL: 26 CĐ: 4 TN: 4
	10. Hóa học	70	LL: 28 CĐ: 4 TN: 4	LL: 26 CĐ: 4 TN: 4
	11. Sinh học	70	LL: 28 CĐ: 4 TN: 4	LL: 26 CĐ: 4 TN: 4
	12. Công nghệ	70	LL: 28 CĐ: 4 TN: 4	LL: 26 CĐ: 4 TN: 4
	13. Tin học	70	LL: 28 CĐ: 4 TN: 4	LL: 26 CĐ: 4 TN: 4
	14. Âm nhạc	70	LL: 28 CĐ: 4 TN: 4	LL: 26 CĐ: 4 TN: 4
	15. Mỹ thuật	70	LL: 28 CĐ: 4 TN: 4	LL: 26 CĐ: 4 TN: 4
<b>Chuyên đề học tập lựa chọn (chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học)</b>				
	Cụm chuyên đề toán	35	LL: 6 CĐ: 6 TN: 6	LL: 5 CĐ: 6 TN: 6
	Cụm chuyên đề Ngữ văn	35	LL: 6	LL: 5

			CD: 6 TN: 6	CD: 6 TN: 6
	Cụm chuyên đề Lịch sử	35	LL: 6 CD: 6 TN: 6	LL: 5 CD: 6 TN: 6
	Cụm chuyên đề Địa lý	35	LL: 6 CD: 6 TN: 6	LL: 5 CD: 6 TN: 6
	Cụm chuyên đề tích hợp...	35	LL: 6 CD: 6 TN: 6	LL: 5 CD: 6 TN: 6
<b>Hoạt động giáo dục bắt buộc</b>				
16	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	105	LL: 5 CD: 0 TN: 50	LL: 5 CD: 0 TN: 45
<b>Nội dung giáo dục địa phương</b>				
17		35	LL: 6 CD: 6 TN: 6	LL: 5 CD: 6 TN: 6
<b>Môn học tự chọn</b>				
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	LL: 30 CD: 10 TN: 15	LL: 30 CD: 10 TN: 10
	Ngoại ngữ 2	105	LL: 30 CD: 10 TN: 15	LL: 30 CD: 10 TN: 10

Chương trình tăng cường/ mở rộng				
.....	.....			
.....	.....			
<b>Tổng số tiết</b>		1015		
<b>Số tiết/tuần (cả năm học)</b>		29		

*Ghi chú: LL: số tiết lên lớp; CD: Số tiết theo chuyên đề; TN: Số tiết học trải nghiệm*

## **B. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC**

### **1. Sứ mệnh**

Xây dựng được môi trường học tập chất lượng và nhân văn. Tạo môi trường tốt nhất để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo, phát huy tiềm lực vốn có của mình. Xây dựng văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc.

### **2. Tầm nhìn**

Trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, tạo ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện và là nơi để giáo viên luôn có khát vọng vươn lên.

### **3. Giá trị cốt lõi**

- Lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc;
- Lòng nhân ái, lòng tự trọng;
- Đoàn kết, tính trung thực;
- Sự hợp tác, tinh thần trách nhiệm;
- Tính sáng tạo, khát vọng vươn lên;
- Tính kiên trì;
- Năng động;
- Hòa nhập.

#### **4. Phương châm hành động**

“Dân chủ, thân thiện, đổi mới, kỷ cương, chất lượng, nhân văn và bền vững”

### **C. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

#### **1.Mục tiêu chung**

1. Xây dựng đội ngũ giáo viên vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt, có tâm huyết với nghề, yêu trường, yêu lớp và đáp ứng được yêu cầu phát triển, đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên tất cả các mặt Đức - Trí - Thể - Mỹ; chú trọng giáo dục các giá trị trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, nhạy bén, thích nghi với mọi hoàn cảnh; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.

3. Xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, có cơ sở vật chất đầy đủ để đáp ứng nhu cầu dạy và học; tạo lập mối quan hệ thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

4. Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, trở thành một trong những trường tiên tiến, hiện đại, góp phần thúc đẩy nền giáo dục phát triển nhanh, mạnh, bền vững hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

#### **2.Mục tiêu cụ thể**

##### **1.Đội ngũ cán bộ, giáo viên**

- Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 80%.
- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo máy tính, truy cập, khai thác có hiệu quả công nghệ thông tin điện tử của Ngành và Website của nhà trường.
- Sử dụng công nghệ thông tin có hiệu quả.
- Mỗi tổ chuyên môn có ít nhất 02 giáo viên có trình độ trên Đại học.

##### **2. Học sinh**

- Qui mô: Trường hạng I (từ 28 lớp trở lên)
- Học lực:
  - + Số học sinh xếp loại Giỏi đạt từ 5% trở lên;
  - + Số học sinh xếp loại Khá đạt từ 35% trở lên;

- + Số học sinh xếp loại Yếu, Kém không quá 20%;
- + Tỷ lệ học sinh khối 12 đậu tốt nghiệp 90% trở lên;
- + Tỷ lệ học sinh khối 12 đậu Đại học 50% trở lên;
- + Học sinh giỏi cấp tỉnh tăng số lượng qua từng năm học;
- Hạnh kiểm:
  - + Số học sinh xếp hạnh kiểm Khá, tốt từ 97% trở lên;
  - + Số học sinh xếp hạnh kiểm Yếu dưới 3%.
  - Tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 5%.

### 3. Cơ sở vật chất

- Lát gạch toàn bộ sân trường; xây dựng, sửa chữa, nâng cấp khuôn viên trường tạo cảnh quan sư phạm với môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”.
- Tham mưu với các cấp lãnh đạo để xây dựng thêm khu vệ sinh công cộng; xây dựng, sửa chữa nâng cấp sân chơi bãi tập, nhà đa năng, mỗi lớp học có 01 ti vi, ...
- Bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy học, thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục và đăng ký công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.
- Xây dựng Thư viện đạt chuẩn, Thư viện tiên tiến.
- Các phòng Tin học, thí nghiệm, phòng đa năng được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại, trang bị camera tất cả các hành lang, phủ sóng wifi toàn trường.

TT	Các mục tiêu	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1	Mỗi lớp có một phòng học riêng biệt	100%	100%	100%	100%	100%
2	CSVC phục vụ giảng dạy, học tập	60%	70%	80%	90%	100%
3	Số giáo viên thực hiện tốt đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới	80%	90%	100%	100%	100%
4	Số giáo viên có trình độ sau đại học	13%	15%	20%	25%	30%
5	Thư viện đạt chuẩn	x	x			
6	Thư viện tiên tiến			x	x	x
7	HS tích cực tham gia các hoạt động chính khóa và ngoại khóa	80%	90%	100%	100%	100%



TT	Các mục tiêu	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
8	Tính chuyên nghiệp trong hoạt động của tổ bộ môn	70%	80%	90%	100%	100%
9	Số GV tập huấn về kỹ năng hỗ trợ, hướng dẫn nghiệp vụ	70%	80%	90%	100%	100%

## D. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

1. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh

- Đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác, triển khai tốt các môn học tự chọn, tăng cường thực hành, rèn luyện khả năng tự học cho học sinh.
- Chú trọng dạy học tích hợp, kiến thức liên môn.

2. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường, nâng cao chất lượng giảng dạy và phát triển đội ngũ

- Tạo điều kiện, động viên cán bộ, giáo viên có năng lực tham gia học sau đại học.
- Tổ chức cho giáo viên đăng ký các đề tài, sáng kiến, hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT.

3. Xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị dạy học theo hướng đa dạng hóa và hiện đại hóa

- Tập trung sửa chữa CSVC, đầu tư trang thiết bị, từng bước xây dựng phòng học bộ môn đạt chuẩn.
- Huy động nhiều nguồn lực để xây dựng nhà thi đấu đa năng, hồ bơi.

4. Nâng cao chất lượng quản lý nhà trường bằng công nghệ thông tin

- Đẩy mạnh Tin học hóa tất cả hoạt động của nhà trường.
- Sử dụng thành thạo và có hiệu quả các phần mềm: smas, cơ sở dữ liệu, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên và cán bộ quản lý, trang web, tuyển sinh, thi tốt nghiệp, quản lý công chức viên chức...

- Phân công phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, giáo viên phụ trách công nghệ thông tin.

5. Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục, huy động các nguồn lực tài chính, xã hội hóa giáo dục

- Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, phát huy nguồn lực huy động từ các tổ chức, cá nhân, chú ý các đến lực lượng cựu học sinh của nhà trường, các nhà hảo tâm .

- Lập Kế hoạch trình Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo duyệt để huy động tài trợ cho giáo dục từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

6. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội, tăng cường giao lưu học hỏi, hợp tác với các trường trong tỉnh.

7. Thường xuyên phối hợp với Ban đại diện CMHS, chính quyền địa phương và công an xã Hòa Phú trong công tác quản lý, giáo dục học sinh.

## **E.TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Tổ chức theo dõi, kiểm tra đánh giá việc thực hiện**

#### **1.1. Nhà trường**

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch chiến lược gồm: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Thư ký hội đồng, Bí thư Đoàn trường, Bí thư chi đoàn giáo viên, Tổ trưởng chuyên môn.

- Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Triển khai Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân có liên quan đến nhà trường.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả, sơ kết công tác triển khai thực hiện qua từng năm học, từng giai đoạn, rút ra bài học kinh nghiệm, để từ đó điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

#### **1.2. Lộ trình thực hiện: 2 giai đoạn**

- Giai đoạn 1: Từ năm 2020 đến 2023.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2023 đến 2025 tầm nhìn đến năm 2030.

#### **1.3. Nhiệm vụ cụ thể của Ban Chỉ đạo**

### 1.3.1. Hiệu trưởng

- Trưởng ban chịu trách nhiệm điều hành và chỉ đạo thực hiện.
- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược đến từng cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá triển khai, thực hiện Kế hoạch từng năm học, từng giai đoạn.
- Chỉ đạo kiểm tra, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để đáp ứng nhu cầu dạy và học.

### 1.3.2. Phó Hiệu trưởng phụ trách dạy và học

- Phó ban, theo dõi chỉ đạo kiểm tra, đánh giá các mặt hoạt động dạy và học; chỉ đạo công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, xây dựng các nội dung hoạt động của tổ chuyên môn. Lập kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu và theo dõi đôn đốc thực hiện, tổ chức các hội thảo chuyên đề theo quy định, bảo vệ an ninh trường học.

### 1.3.3. Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp và môi trường

- Phó ban, chỉ đạo hoạt động ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng kế hoạch rèn luyện hạnh kiểm và nhân cách cho học sinh; chỉ đạo hoạt động phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với cha mẹ học sinh.
- Vệ sinh trường, lớp, chăm sóc cây cảnh tạo môi trường sạch sẽ, thoáng mát an toàn, thân thiện.

### 1.3.4. Thư ký Hội đồng

- Hỗ trợ các phó ban thiết lập hồ sơ theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, tham mưu, đề xuất các nội dung của kế hoạch. Thông báo các thông tin cần thiết cho hội đồng sư phạm.

### 1.3.5. Chủ tịch Công đoàn

- Chỉ đạo hoạt động của các tổ Công đoàn thực hiện có hiệu quả Kế hoạch; giúp đỡ, hỗ trợ và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, xem xét đánh giá thi đua và đề xuất khen thưởng cuối năm, cuối giai đoạn. Chú trọng vào các hoạt động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

### 1.3.6. Bí thư Đoàn trường

- Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh để quản lý học sinh. Rèn luyện, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh,

duy trì hoạt động các câu lạc bộ ATGT, câu lạc bộ kỹ năng mềm, thành lập đội văn nghệ xung kích, tạo ra những sân chơi bổ ích khác cho học sinh.

- Động viên các đoàn viên, các chi đoàn lớp hưởng ứng tích cực phong trào “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

### 1.3.7. Tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, chú trọng các biện pháp để hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ; đẩy mạnh các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực áp dụng triệt để các phương tiện, thiết bị vào trong giảng dạy, hạn chế những tiết dạy không có đồ dùng dạy học, ... chỉ đạo kiểm tra, đánh giá, phân loại giáo viên, nâng cao chất lượng của bộ môn.

### 1.3.8. Tổ Văn phòng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, chú trọng các biện pháp để đổi mới nâng cao chất lượng phục vụ hoạt động dạy và học, phục vụ nhân dân; thực hiện nghiêm túc quy chế một cửa, có kế hoạch quản lý hồ sơ, sổ sách khoa học; nâng cao chất lượng công tác phục vụ đáp ứng nhu cầu đổi mới của nhà trường.

### 1.3.9. Tổ trưởng Công đoàn

- Phối hợp với Tổ trưởng bộ môn, động viên đội ngũ tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy; mạnh dạn đề xuất các ý tưởng đổi mới sáng tạo, đề xuất khen thưởng các cá nhân điển hình tiên tiến của tổ.

### 1.3.10. Giáo viên chủ nhiệm

- Phối hợp chặt chẽ ba môi trường nhà trường - gia đình - xã hội để giáo dục và rèn luyện hạnh kiểm cho học sinh; tổ chức và hưởng ứng các phong trào thi đua, tổ chức các hoạt động để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; thường xuyên bám lớp, theo dõi để giúp đỡ, hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, những học sinh nghèo vượt khó trong học tập và rèn luyện.

## 2. Phương thức kiểm tra, đánh giá

### 2.1. Cơ sở pháp lý

- Dựa trên các văn bản pháp quy hiện hành, đồng thời thường xuyên cập nhật kịp thời các văn bản mới có hiệu lực để điều chỉnh kế hoạch hoạt động của trường cho đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2009 (Luật số 44/2009/QH12, ban hành ngày 25/11/2009).

- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020.
- Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020 ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- Thông tư số 26/2020 ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về đánh giá xếp loại học sinh trung học.
- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD-ĐT về việc QĐ về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

## 2.2. Giải pháp

- Sau mỗi năm học tổ chức kiểm tra, đánh giá lại các chỉ tiêu của Kế hoạch, điều chỉnh các giải pháp để tiếp tục triển khai, thực hiện để Kế hoạch đạt được kết quả như đã đề ra.
- Năm học 2022-2023 tổ chức sơ kết giai đoạn 1, kiểm định đánh giá trường chuẩn quốc gia cấp độ I, xem xét đánh giá những mặt đạt được, những hạn chế, nguyên nhân hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm, điều chỉnh các giải pháp cho phù hợp tình hình thực tế của nhà trường.
- Năm học 2024-2025 tổ chức sơ kết giai đoạn 2, kiểm định đánh giá trường chuẩn quốc gia cấp độ II.

## 3. Các cơ sở đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch

### 3.1. Đối với học sinh

- Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cuối năm; kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông, trúng tuyển đại học, cao đẳng và kết quả đạt giải các hội thi, cuộc thi để đánh giá;
- Căn cứ kết quả hoạt động phong trào của các cá nhân, các tập thể; hiệu quả của các hoạt động ngoại khóa, trò chơi dân gian, trò chơi khoa học và các hoạt động Văn - Thể - Mỹ.

### 3.2. Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Các hoạt động thực tiễn của giáo viên trong suốt năm học như kết quả thao giảng, kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, kết quả phụ đạo học sinh yếu, kém, kết quả học tập của các lớp được phân công phụ trách.
- Kết quả tham gia các cuộc thi, hội thi, kết quả sáng kiến, kết quả các hoạt động ngoại khóa của tổ chuyên môn, của nhà trường.
- Kết quả tham gia các phong trào của các đoàn thể.
- Kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và kết quả thi đua cuối mỗi năm học.

### 3.3.Đánh giá kết quả đạt được của năm học 2023-2024:

Trường đã đạt kết quả kiểm định CLGD mức 2 theo QĐ số 590/QĐ-SGDĐT ngày 21/8/2023.

Trường đã đạt chuẩn quốc gia mức 1 theo QĐ số 1608/QĐ-UBND ngày 28/8/2023.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược để phát triển trường THPT Trần Phú giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, sửa đổi bổ sung cho năm học 2023-2024. Nhà trường yêu cầu cán bộ, giáo viên và học sinh của nhà trường thực hiện kế hoạch có hiệu quả. Trong quá thực hiện kế hoạch có nội dung nào còn vướng mắc đề nghị phản ảnh về Ban Chỉ đạo để giải quyết./.

**DUYỆT CỦA SỞ GD-ĐT**

**HIỆU TRƯỞNG**

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**GIÁM ĐỐC**

**Tô Thị Minh Thu**